

## ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN CÔNG NGHỆ 8, NĂM HỌC 2024-2025

### I. PHƯƠNG ÁN DẠY HỌC:

#### HỌC KÌ I

TUẦN	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	1	1	1	1	1	1	1	1OT	1KT	2	2	2	2	2	2	2	2	1OT, 1KT

### II. MA TRẬN

- Thời điểm kiểm tra: *Kiểm tra giữa kì 1 khi kết thúc nội dung: Từ tuần 1 đến tuần 8*
- Thời gian làm bài: *45 phút.*
- Hình thức kiểm tra: *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).*
- Cấu trúc:
- Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng*
- Phần trắc nghiệm: *5,0 điểm gồm 10 câu hỏi: 8 câu nhận biết và 2 câu thông hiểu*
- Phần tự luận: *5,0 điểm (Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 3,0 điểm;).*

II. KHUNG MA TRẬN

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% tổng điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số câu hỏi	Thời gian (phút)	Số câu hỏi	Thời gian (phút)	Số câu hỏi	Thời gian (phút)	Số câu hỏi	Thời gian (phút)	TN	TL		
01	Vẽ kỹ thuật	1. Tiêu chuẩn bản vẽ kỹ thuật	2 C1;C2 1đ	4	2 C3;C11 1,5đ	9					3	1	13	2,5đ
		2. Hình chiếu Vuông góc	2 C4;C5 1đ	4			1 C13 3đ	10			2	1	14	4đ
		3. Bản vẽ chi tiết	2 C6;C7 1đ	4	1 C8 0,5đ	2					3		6	1,5đ
		4. Bản vẽ lắp	2 C9;C10 1đ	4	1 C12 1đ	8					2	1	12	2đ
Tổng			8	16	4	19	1	10			10	3	45	10
Tỉ lệ (%)			40%		30%		30%				0	0	0	100%
Tỉ lệ chung (%)			70%				30%			0		0	0	

III. BẢN ĐẶC TẢ

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ đánh giá			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Vẽ kỹ thuật	1. Tiêu chuẩn bản vẽ kỹ thuật	<b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi tên được các loại khổ giấy.</li><li>- Nêu được một số loại tỉ lệ.</li></ul>	2 C1;C2			
			<b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Giải thích được tiêu chuẩn về tỉ lệ.</li><li>- Mô tả được tiêu chuẩn về đường nét.</li></ul>		2 C3;C11		
		2. Hình chiếu vuông góc	<b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trình bày khái niệm hình chiếu.</li><li>- Gọi được tên các hình chiếu vuông góc, hướng chiếu.</li></ul>	2 C4;C5			
			<b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Sắp xếp đúng vị trí các hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện thường gặp trên bản vẽ kỹ thuật</li></ul>				
			<b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Vẽ được hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện theo phương pháp chiếu.</li></ul>			1 C13	
			<b>Vận dụng cao:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Vẽ được hình chiếu vuông góc của một vật thể đơn giản có ghi kích thước</li></ul>				
		3. Bản vẽ chi tiết	<b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đọc được bản vẽ chi tiết đơn giản</li></ul>	2 C6;C7			
			<b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Phân biệt được các hình chiếu của bản vẽ chi tiết đơn giản.</li></ul>		1 C8		
			<b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Xác định được bản vẽ chi tiết giản có ghi kích thước.</li></ul>				
		4. Bản vẽ lắp	<b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đọc được trình tự đọc bản vẽ lắp</li><li>- Nêu được kích thước thể hiện trên bản vẽ lắp</li></ul>	2 C9;C10			
			<b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Hiểu được nội dung và trình tự đọc bản vẽ lắp.</li></ul>		1 C12		

Tổng		8	4	1	
------	--	---	---	---	--

## IV. ĐỀ KIỂM TRA

**MD01**

### I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

**Câu 1:** Đầu là tỉ lệ thu nhỏ trong các tỉ lệ sau?

- A. 1 : 2                      B. 5 : 1                      C. 1 : 1                      D. 5 : 2

**Câu 2:** Tên các khổ giấy chính là:

- A. A0, A1, A2                      B. A0, A1, A2, A3  
C. A3, A1, A2, A4                      D. A0, A1, A2, A3, A4

**Câu 3:** Để vẽ đường tâm, đường trục đối xứng, cần dùng loại nét vẽ nào?

- A. Nét liền đậm                      B. Nét liền mảnh  
C. Nét đứt mảnh                      D. Nét gạch dài - chấm - mảnh

**Câu 4:** Khi chiếu một vật thể lên một mặt phẳng, hình nhận được trên mặt phẳng đó gọi là:

- A. hình chiếu                      B. Vật chiếu  
C. Mặt phẳng chiếu                      D. Vật thể

**Câu 5:** Để thu được hình chiếu đứng, hướng chiếu từ:

- A. Trước tới                      B. Trên xuống                      C. Trái sang                      D. Phải sang

**Câu 6:** Trình tự đọc bản vẽ chi tiết là:

- A. Khung tên, kích thước, hình biểu diễn, yêu cầu kỹ thuật  
B. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật  
C. Hình biểu diễn, khung tên, kích thước, yêu cầu kỹ thuật  
D. Hình biểu diễn, kích thước, khung tên, yêu cầu kỹ thuật

**Câu 7:** Khi đọc bản vẽ chi tiết, phải đọc nội dung gì trước?

- A. Hình biểu diễn                      B. Kích thước  
C. Yêu cầu kỹ thuật                      D. Khung tên

**Câu 8:** Phần nào trong bản vẽ thể hiện đầy đủ hình dạng của chi tiết?

- A. Khung tên                      B. Hình biểu diễn                      C. Kích thước                      D. Yêu cầu kỹ thuật

**Câu 9:** Trình tự đọc bản vẽ lắp?

- A. Hình biểu diễn → Khung tên → Bảng kê → Kích thước → Phân tích chi tiết → Tổng hợp  
B. Khung tên → Bảng kê → Kích thước → Hình biểu diễn → Phân tích chi tiết → Tổng hợp  
C. Khung tên → Bảng kê → Hình biểu diễn → Kích thước → Phân tích chi tiết → Tổng hợp  
D. Khung tên → Kích thước → Bảng kê → Hình biểu diễn → Phân tích chi tiết → Tổng hợp

**Câu 10:** Phần tổng hợp trong trình tự đọc bản vẽ lắp gồm những nội dung nào?

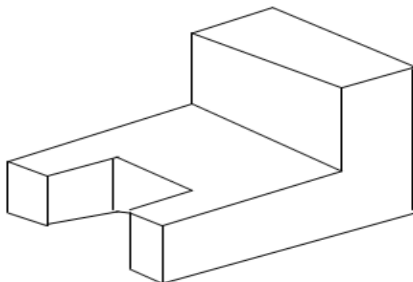
- A. Tên sản phẩm, tỉ lệ bản vẽ, nơi thiết kế                      B. Các hình chiếu, hình cắt  
C. Trình tự tháo, lắp chi tiết                      D. Tên gọi các chi tiết, số lượng, vật liệu

### II. TỰ LUẬN (5 điểm)

**Câu 11. (1 điểm).** Một bạn học sinh vẽ bản vẽ kỹ thuật, bạn ấy dùng nét đứt mảnh khi vẽ đường bao thấy. Theo em bản vẽ đây có hợp lệ không, vì sao?

**Câu 12. (1 điểm).** Nội dung trong phần khung tên và hình biểu diễn của bản vẽ lắp là gì?

**Câu 13. (3 điểm).** Hãy vẽ các hình chiếu đứng, hình chiếu bằng và hình chiếu cạnh của vật thể hình bên.



**I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)****Câu 1:** Đây là tỉ nguyên hình trong các tỉ lệ sau?

- A. 1 : 2                      B. 5 : 1                      C. 1 : 1                      D. 5 : 2

**Câu 2:** Trong các khổ giấy chính, khổ giấy có kích thước lớn nhất là:

- A. A0                      B. A1                      C. A2                      D. A4

**Câu 3:** Để vẽ đường kích thước, đường gióng, cần dùng loại nét vẽ nào?

- A. Nét liền đậm                      B. Nét liền mảnh  
C. Nét đứt mảnh                      D. Nét gạch dài - chấm - mảnh

**Câu 4:** Điểm A của vật thể có hình chiếu là điểm A' trên mặt phẳng. Vậy A A' gọi là:

- A. Đường thẳng chiếu                      B. Tia chiếu  
C. Đường chiếu                      D. Đoạn chiếu

**Câu 5:** Để thu được hình chiếu bằng, hướng chiếu từ:

- A. Trước tới                      B. Trên xuống  
C. Trái sang                      D. Phải sang

**Câu 6:** Nội dung bản vẽ chi tiết gồm:

- A. Các hình biểu diễn, kích thước, các yêu cầu kỹ thuật, khung tên  
B. Các hình biểu diễn, khung bản vẽ, các con số kích thước, các yêu cầu kỹ thuật  
C. Các hình chiếu, khung bản vẽ, khung tên, các con số kích thước, các yêu cầu kỹ thuật  
D. Các hình chiếu, khung bản vẽ, khung tên, các con số kích thước.

**Câu 7:** Bản vẽ chi tiết thuộc

- A. Bản vẽ cơ khí                      B. Bản vẽ xây dựng  
C. Bản vẽ lắp                      D. Bản vẽ nhà

**Câu 8:** Phần kích thước trong bản vẽ chi tiết dùng để làm gì?

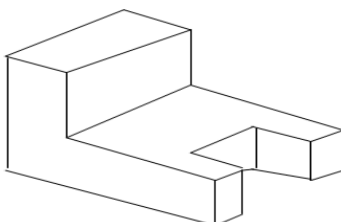
- A. Dùng để chế tạo chi tiết máy                      B. Dùng để kiểm tra chi tiết máy  
C. Dùng để chế tạo và kiểm tra chi tiết máy                      D. Dùng để lắp ráp chi tiết máy

**Câu 9:** Đây là nội dung của bản vẽ lắp?

- A. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật  
B. Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước  
C. Khung tên, các hình biểu diễn, kích thước  
D. Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật

**Câu 10:** Khung tên của bản vẽ lắp cho biết những nội dung gì?

- A. Tên sản phẩm, tỉ lệ bản vẽ                      B. Tỉ lệ bản vẽ, nơi thiết kế  
C. Nơi thiết kế, kích thước                      D. Tên sản phẩm, tỉ lệ bản vẽ, nơi thiết kế

**II. TỰ LUẬN (5 điểm)****Câu 11. (1 điểm).** Một bạn học sinh vẽ bản vẽ kỹ thuật, bạn ấy dùng nét gạch dài-chấm-mảnh khi vẽ đường kích thước, đường gióng. Theo em bản vẽ đấy có hợp lệ không, vì sao?**Câu 12. (1 điểm).** Nội dung trong phần bản kê và kích thước của bản vẽ lắp là gì?**Câu 13. (3,0 điểm).** Hãy vẽ các hình chiếu đứng, hình chiếu bằng và hình chiếu cạnh của vật thể hình bên.

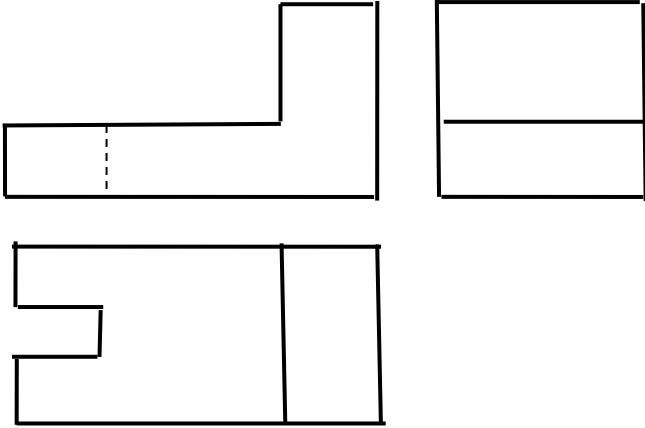
## V. ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM.

### MD01

**I. Trắc nghiệm (5 điểm)** Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	D	D	A	A	B	D	B	C	C

**II. TỰ LUẬN (5,0 điểm).**

Câu	Đáp án	Điểm
<b>Câu 11 (1,0 điểm)</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>Theo em bản vẽ đây không hợp lệ.</li><li>Vì nét đứt mảnh được dùng để vẽ đường bao khuất, cạnh khuất; khi vẽ đường bao thấy phải dùng nét liền đậm.</li></ul>	0,5 điểm  0,5 điểm
<b>Câu 12 (1,0 điểm)</b>	Khung tên gồm: <ul style="list-style-type: none"><li>Tỉ lệ sản phẩm</li><li>Tỉ lệ bản vẽ.</li></ul> Hình biểu diễn gồm: <ul style="list-style-type: none"><li>Hình chiếu</li><li>Các hình biểu diễn khác.</li></ul>	0,25 điểm 0,25 điểm  0,25 điểm 0,25 điểm
<b>Câu 13 (3,0 điểm)</b>		Mỗi hình vẽ đúng 1,0 điểm

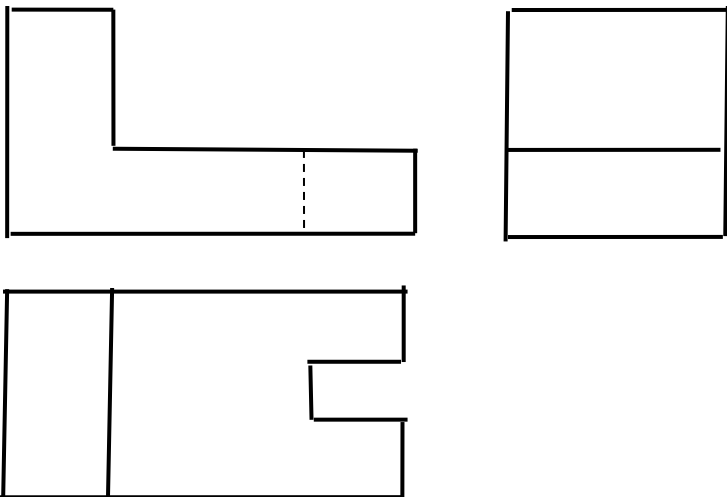
### MD02

**I. Trắc nghiệm (5 điểm)** Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	A	B	B	B	A	A	C	B	D

**II. TỰ LUẬN (5,0 điểm).**

Câu	Đáp án	Điểm
<b>Câu 11 (1,0 điểm)</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>Theo em bản vẽ đây không hợp lệ.</li><li>Vì nét đứt gạch dài-chấm-mảnh để vẽ đường tâm, đường trục,...; khi vẽ đường kích thước, đường gióng phải dùng nét liền mảnh.</li></ul>	0,5 điểm  0,5 điểm

<b>Câu 12 (1,0 điểm)</b>	Bảng kê gồm: - Tên gọi, số lượng của chi tiết Kích thước diễn gồm: - Kích thước chung - Kích thước lắp ghép giữa các chi tiết - Kích thước xác định khoảng cách giữa các chi tiết	0,25 điểm  0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
<b>Câu 13 (3,0 điểm)</b>		Mỗi hình vẽ đúng 1,0 điểm

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT  
MĐ01**

**A. TRẮC NGHIỆM (8,0đ)**

Mỗi câu chọn đúng 0,8 đ. Nếu 1 câu khoanh vào 2 đáp án thì không có điểm

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐÁP ÁN	A	D	D	A	A	B	D	B	C	C

**B. TỰ LUẬN: (3,0đ)**

*Chỉ yêu cầu trả lời câu 11, 12*

Câu	Đáp án	Điểm
<b>Câu 11 (1,5 điểm)</b>	- Theo em bản vẽ đây không hợp lệ. - Vì nét đứt mảnh được dùng để vẽ đường bao khuất, cạnh khuất; khi vẽ đường bao thấy phải dùng nét liền đậm.	1,0 điểm 0,5 điểm
<b>Câu 12 (1,5 điểm)</b>	Khung tên gồm: - Tỷ lệ sản phẩm - Tỷ lệ bản vẽ. Hình biểu diễn gồm: - Hình chiếu - Các hình biểu diễn khác.	0,5 điểm 0,5 điểm  0,25 điểm 0,25 điểm

**MĐ02**

**A. TRẮC NGHIỆM (7,0đ)**

Mỗi câu chọn đúng 0,7 đ. Nếu 1 câu khoanh vào 2 đáp án thì không có điểm



CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐÁP ÁN	C	A	B	B	B	A	A	C	B	D

## B. TỰ LUẬN: (3,0đ)

*Chỉ yêu cầu trả lời câu 11, 12*

Câu	Đáp án	Điểm
<b>Câu 11 (1,5 điểm)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo em bản vẽ đây không hợp lệ.</li> <li>- Vì nét đứt gạch dài-chấm-mảnh để vẽ đường tâm, đường trục,...; khi vẽ đường kích thước, đường gióng phải dùng nét liền mảnh.</li> </ul>	1,0 điểm  0,5 điểm
<b>Câu 12 (1,5 điểm)</b>	Bảng kê gồm: Tên gọi, số lượng của chi tiết Kích thước diễn gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước chung</li> <li>- Kích thước lắp ghép giữa các chi tiết</li> <li>- Kích thước xác định khoảng cách giữa các chi tiết</li> </ul>	0,5 điểm  0,5 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm